

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học

Chuyên ngành: Nội Tiêu hoá

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VÕ DUY THÔNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 15/12/1982; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Liên Hương, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 1302. Cao ốc 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 1302. Cao ốc 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0932.039.888; E-mail: duythong@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2008 đến 06/2012: Giảng viên Bộ môn Nội Tổng quát, Khoa Y, ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh.

Bác sĩ, Khoa Nội Tiêu hoá, Bệnh viện Chợ Rẫy.

Từ 06/2012 đến 6/2015: Nghiên cứu sinh – Đại học Chulalongkorn, Thái Lan

Từ 06/2015 đến nay: Giảng viên Bộ môn Nội Tổng quát, Khoa Y, ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh.

Phó Trưởng khoa, Khoa Nội Tiêu hoá, Bệnh viện Chợ Rẫy (9/2020)

Chức vụ hiện nay: Phó khoa Nội Tiêu hoá, Bệnh viện Chợ Rẫy; Giảng viên Bộ môn Nội tổng quát, Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay:

- Bộ môn Nội Tổng quát, Khoa Y, ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh.
- Khoa Nội Tiêu hoá, Bệnh viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Điện thoại cơ quan: (+84) 28 3855 8411; Địa chỉ e-mail: daihocyduoc@ump.edu.vn; Fax: (+84)28 3855 2304.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 06 năm 2008, ngành: Y khoa, chuyên ngành: Bác sĩ điều trị (đa khoa).

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Tổng hợp Y – Nha Moscow, Liên bang Nga

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 06 năm 2015, ngành: Y khoa, chuyên ngành: Nội khoa – Tiêu hoá, Gan mật.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Chulalongkorn, Vương quốc Thái Lan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá hiệu quả của các phương pháp mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý viêm gan.
- Nghiên cứu đánh giá lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng và phương pháp điều trị xơ gan.
- Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến bệnh viêm tụy cấp và các biến chứng của viêm tụy cấp.
- Đánh giá các yếu tố liên quan đến bệnh lý ống tiêu hoá và hiệu quả điều trị.
- Khảo sát, đánh giá việc sử dụng kháng sinh trong điều trị các bệnh lý nhiễm khuẩn, đặc biệt là nhiễm khuẩn tiêu hoá.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (hướng dẫn chính);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 đề tài cấp cơ sở (trong đó, 02 đề tài cấp trường ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh (chủ nhiệm đề tài) và 01 đề tài cấp BV Chợ Rẫy (chủ nhiệm đề tài)); 01 đề tài cấp BV Chợ Rẫy (cộng sự)
- Đã công bố **51** bài báo KH, trong đó **13** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong danh mục SCOPUS, ISI), **8** bài trên tạp chí quốc tế sau bảo vệ luận án TS;

- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

1. **Vo Duy Thong***, Bui Thi Huong Quynh. Correlation of serum transaminase levels with liver fibrosis assessed by transient elastography in Vietnamese patients with nonalcoholic fatty liver disease. *International Journal of General Medicine*. 2021. 14, 1349-1355. (**Scopus, ISI, Q2, PubMed, IF = 2,466**; ISSN 1178-7074).
2. **Vo Duy Thong***, Nguyen Thi Mong Trinh, Ho Tan Phat. Factors associated with the severity of hypertriglyceridemia induced acute pancreatitis. *Medicine*. 2021;100:21(e25983). (**Scopus, ISI, Q2, PubMed, IF = 1,889**; ISSN 0025-7974; e-ISSN 1536-5964).
3. **Vo Duy Thong***, Nguyen Ngoc Phuc, Bui Thi Huong Quynh. Effectiveness of education intervention carried out by clinical pharmacists on the quality of life of patients with irritable bowel syndrome: a randomized controlled trial. *JGH Open*. 2020. 5(2): 242-248. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,143**; e-ISSN 2397-9070).
4. **Vo Duy Thong***, Trinh Thi Hong Anh, Bui Thi Huong Quynh, Ngo Thi Thanh Quyt. Investigation of antibiotic use in patients with acute pancreatitis in a Vietnamese hospital. *JGH Open*. 2020. 5(1): 128-132. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,143**; e-ISSN 2397-9070).
5. **Vo Duy Thong***, Ho Thi Van Anh. Prediction of esophageal varices based on Serum-Ascites Albumin Gradient in cirrhotic patients. *Gastroenterology Insights*. 2021; 12(2):270-277. (**Scopus, ISI, Q4, IF = 0,095**; ISSN 2036-7422).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua

STT	Quyết định số	Danh hiệu
1	NH 2015-2016: QĐ số 4652/QĐ-ĐHYD ngày 28/11/2016	Chiến sĩ thi đua
2	NH 2016-2017: QĐ số 4103/QĐ-ĐHYD ngày 29/09/2017	Chiến sĩ thi đua
3	NH 2018-2019: QĐ số 4955/QĐ-ĐHYD ngày 01/11/2019	Chiến sĩ thi đua
4	NH 2019-2020: QĐ số 4051/QĐ-ĐHYD ngày 22/10/2020	Chiến sĩ thi đua

Bằng khen

- Bằng khen của Trung Ương Đoàn (Quyết định số: 402QĐ/TWĐTN ngày 10 tháng 09 năm 2010 của Trung Ương Đoàn)
- Bằng khen của Bộ Y tế (Quyết định số: 07/QĐ-BYT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:

- Hướng dẫn sinh viên đại học và các học viên sau đại học thực hành tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
- Tham gia chấm luận văn, luận án, chuyên đề và đề cương nghiên cứu của Bộ môn Nội tổng quát, khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
- Tham gia hướng dẫn luận văn cao học, nội trú.
- Giảng dạy đầy đủ và có chất lượng học phần lý thuyết cho các lớp đại học và sau đại học.
- Tham gia sinh hoạt công đoàn, tạo điều kiện sinh hoạt gắn bó các cán bộ giảng của bộ môn.
- Tham gia điều trị tốt cho bệnh nhân, không có sai phạm hay tai biến xảy ra.
- Tham gia công tác trực gác theo đúng quy định của bệnh viện, vừa phục vụ điều trị cho bệnh nhân, vừa phục vụ giảng dạy lâm sàng cho các học viên và sinh viên.
- Tham gia xây dựng và phát triển hợp tác Viện Trường tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
- Tham gia xây dựng chương trình đổi mới đào tạo cho sinh viên Y khoa năm thứ 3, năm thứ 4, năm thứ 6 và nội trú của Bộ môn Nội tổng quát, Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo và hướng dẫn các học viên thực hành lâm sàng tại khoa Nội tiêu hoá, Bệnh viện Chợ Rẫy.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo y khoa liên tục (CME), cập nhật kiến thức chuyên ngành cho các đồng nghiệp tại các bệnh viện.

1.2. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

- Về nhận thức, tư tưởng chính trị: tuyệt đối chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật.
- Tinh thần học tập nâng cao trình độ: có tinh thần tự học, trao đổi học hỏi, cập nhật kiến thức chuyên môn. Tham dự các lớp tập huấn giáo dục Y học do Trường và Khoa Y đào tạo. Tham dự và báo cáo tại các hội thảo, hội nghị chuyên ngành Tiêu hoá, gan mật trong và ngoài nước. Tham gia giảng dạy tại các CME do Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bệnh viện Chợ Rẫy tổ chức.
- Luôn luôn giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.
- Có tác phong làm việc nghiêm túc, quan hệ phối hợp công tác với đồng nghiệp, với bệnh viện tốt. Được các đồng nghiệp và lãnh đạo Khoa, Bộ môn và lãnh đạo Bệnh

viện nơi công tác tín nhiệm. Có tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân tốt. Hết lòng điều trị và chăm sóc bệnh nhân được phân công phụ trách.

1.3. Tóm tắt ưu, khuyết điểm chính về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ: Nhiệt tình, năng động và làm việc có hiệu quả.

1.4. Tự phân loại theo mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ: Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm 06 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015 - 2016					269	108	377/496/270
2	2016 - 2017					253	125	378/529/270
3	2017 - 2018					304	114	418/548/270
3 năm cuối:								
4	2018 - 2019			02		315	194	509/693/270
5	2019 - 2020			02		322	206	528/750/270
6	2020 - 2021			03*		337	230	567/794/270

* đang là hướng dẫn chính 03 cao học.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒ ; Tại nước: Liên bang Nga; Từ năm 2001 đến năm 2008
- Bảo vệ luận án TS ☒; tại nước: Thái Lan năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Mộng Trinh		X	X		2017 - 2019	ĐH Y Dược TP. HCM	25/12/2019
2	Nguyễn Ngọc Phúc		X	X		2017 - 2019	ĐH Y Dược TP. HCM	25/12/2019
3	Hồ Thị Vân Anh		X	X		2017 - 2019	ĐH Y Dược TP. HCM	31/12/2020
4	Trần Thiên Tân		X	X		2018 - 2020	ĐH Y Dược TP. HCM	31/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ luận án TS							
1	Tiếp cận chẩn đoán Bệnh nội khoa	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM	30		Biên soạn trang 185 - 196	ĐH Y Dược TP. HCM Số: 2583/QĐ- ĐHYD 07/09/2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị TS					
1	Xác định tỷ lệ SNP rs266729 của gen ADIPOQ và các yếu tố nguy cơ dẫn đến bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu	CN	QĐ 4771/QĐ-ĐHYD ngày 07/12/2016; Cấp Trường (ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh)	7/2016 - 7/2017	15/06/2018 Khá
2	Khảo sát mối liên quan giữa nồng độ Alanine Aminotransferase, Aspartate transaminase và các yếu tố nguy cơ ở bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu	CN	QĐ 2803/QĐ-ĐHYD ngày 07/08/2017; Cấp Trường (ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh)	7/2017 - 7/2018	15/06/2018 Khá
3	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của xuất huyết tiêu hoá do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan bàng bụng	CS (cộng sự)	QĐ 8197/QĐ-BVCR ngày 30/09/2016; Cấp Bệnh viện (Bệnh viện Chợ Rẫy)	2015 - 2016	04/10/2016 Khá
4	Các yếu tố liên quan mức độ nặng của viêm tụy cấp do tăng triglyceride	CN	QĐ 87/QĐ-BVCR ngày 31/01/2020; Cấp Bệnh viện (Bệnh viện Chợ Rẫy)	2019 - 2020	15/01/2020 Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng/Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị TS								
<i>Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín</i>								
1	Hepatitis C virus genotype 6: Virology, epidemiology, genetic variation and clinical implication	5 (1/5)	X	World Journal of Gastroenterology ISSN 1007-9327 e-ISSN 2219-2840	Scopus, ISI Q1, PubMed IF = 5,742 DOI: 10.3748/wjg.v20.i11.2927	50	20 (11), 2927-2940	3/2014
2	<i>IFNL3 (IL28B)</i> and <i>IFNL4</i> polymorphisms are associated with treatment response in Thai patients infected with HCV genotype 1, but not with genotypes 3 and 6	7 (2/7)		Journal of Medical Virology e-ISSN1096-9071	Scopus, ISI Q2, PubMed IF = 2,327 DOI: 10.1002/jmv.23957	30	86, 1482-1490	9/2014
3	Early viral kinetics during hepatitis C virus genotype 6 treatment according to <i>IL28B</i> polymorphisms	7 (3/7)		World Journal of Gastroenterology ISSN 1007-9327 e-ISSN 2219-2840	Scopus, ISI Q1, PubMed IF = 5,742 DOI: 10.3748/wjg.v20.i30.10599	5	20 (30), 10599-10605	8/2014
4	The correlation between hepatitis C core antigen and hepatitis C virus RNA levels with respect to human immunodeficiency virus status, hepatitis C virus genotype and Interferon-Lambda-4 polymorphism	6 (1/6)	X	Intervirology ISSN 0300-5526 e-ISSN 1423-0100	Scopus, ISI Q3, PubMed IF = 1,763 DOI: 10.1159/000370070	13	58(2), 73-79	2/2015

5	Prevalence of thymine-adenine dinucleotide repeat, <i>IL28B</i> and <i>IFNL4</i> in Thai population and correlation with spontaneous clearance and treatment outcome of hepatitis C infection	5 (1/5)	X	PLoS One e-ISSN 1932-6203	Scopus, ISI Q1, PubMed IF = 2,740 DOI: 10.1371/journal.pone.0125400	8	10 (5), 10.1371/ journal.pone.0125400	5/2015
Sau khi bảo vệ học vị TS								
Bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín								
6	Influence of host and viral factors on patients with chronic hepatitis C virus genotype 6 treated with pegylated interferon and ribavirin: A systematic review and meta-analysis	6 (1/6)	X	Intervirolgy ISSN 0300-5526 e-ISSN 1423-0100	Scopus, ISI Q3, PubMed IF = 1,763 DOI: 10.1159/00044366	4	58 (6), 373-381	3/2016
7	The treatment of non-variceal gastrointestinal bleeding: An investigation in a Vietnamese hospital	4 (3/4)		Pharmaceutical Sciences Asia e-ISSN 2586-8195	Scopus, Q3 IF = 0,42 DOI: 10.29090/psa.2018.03.184		45 (3), 184-194	2/2018
8	Awareness, knowledge, and practice for hepatitis B infection in Southeast Asia: a cross-sectional study	9 (6/9)		Journal of Infection in Developing Countries ISSN 2036-6590 e-ISSN 1972-2680	Scopus, ISI Q3, PubMed IF = 1,353 DOI: 10.3855/jidc.10479	3	13 (7), 656-664	7/2019
9	Investigation of antibiotic use in patients with acute pancreatitis in a Vietnamese hospital	4 (1*/4)	X	JGH Open e-ISSN 2397-9070	Scopus, ISI Q3, PubMed IF = 1,143 DOI: 10.1002/jgh3.12461		5 (1), 128-132	11/2020

10	Effectiveness of education intervention carried out by clinical pharmacists on the quality of life of patients with irritable bowel syndrome: a randomized controlled trial	3 (1*/4)	X	JGH Open e-ISSN 2397-9070	Scopus, ISI Q3, PubMed IF = 1,143 DOI: 10.1002/jgh3.12477		5 (2), 242-248	12/2020
11	Correlation of serum transaminase levels with liver fibrosis assessed by transient elastography in Vietnamese patients with nonalcoholic fatty liver disease	2 (1*/2)	X	International Journal of General Medicine ISSN 1178-7074	Scopus, ISI Q2, PubMed IF = 2,466 DOI: 10.2147/IJGM.S309311		14, 1349-1355	4/2021
12	Factors associated with the severity of hypertriglyceridemia induced acute pancreatitis	3 (1*/3)	X	Medicine ISSN 0025-7974 e-ISSN 1536-5964	Scopus, ISI Q2, PubMed IF = 1,889 DOI: 10.1097/MD.00000000000025983		100, 21(e25983)	5/2021
13	Prediction of esophageal varices sased on serum-ascites albumin gradient in cirrhotic patients	2 (1*/2)	X	Gastroenterology Insights ISSN 2036-7422	Scopus, ISI, Q4, IF = 0,095 DOI: 10.3390/gastroent12020023		12(2), 270-277	6/2021
Bài báo công bố trên các tạp chí trong nước								
14	Prevalence and dietary risk factors of irritable bowel syndrome in Vietnamese pharmacy students	3 (2*/3)		Vietnamese journal of medicine and pharmacy ISSN 0866-7942		2	8 (2), 44-51	8/2015
15	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của xuất huyết tiêu hoá do vỡ dẫn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan báng bụng	5 (2/5)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			20 (1), 307-312	2/2016

16	Thăm định bộ câu hỏi Irritable bowel syndrome quality of life questionnaire (IBS-QoL) phiên bản tiếng Việt	4 (4*/4)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			22 (5), 396-399	9/2018
17	Khảo sát tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến tình trạng kém đáp ứng với yếu tố kích thích tạo hồng cầu (ESA) ở bệnh nhân điều trị bằng thay thế thận tại bệnh viện Thống Nhất	4 (3/4)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			22 (5), 400-405	9/2018
18	Đánh giá hiệu quả của việc phối hợp giữa bác sĩ và dược sĩ khi kê đơn thuốc cần hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy thận mạn	3 (3*/3)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			22 (5), 406-410	9/2018
19	Viêm gan siêu vi B bùng phát: Sinh bệnh học và diễn tiến tự nhiên	2 (2/2)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			23 (1), 1-4	3/2019
20	Khảo sát chất lượng sống và các yếu tố liên quan đến chất lượng sống của bệnh nhân mắc hội chứng ruột kích thích	4 (3/4)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			23 (2), 227-233	3/2019
21	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân viêm tụy cấp tại Bệnh viện Thống Nhất	4 (1*/4)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			23 (6), 144-150	11/2019
22	Vai trò của thuốc hướng thần trong điều trị hội chứng ruột kích thích	3 (3/3)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			24 (1), 1-8	3/2020

23	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng liên quan đến giãn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan cổ trướng	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			494(1), 141-144	9/2020
24	Khảo sát sử dụng thuốc điều trị hội chứng ruột kích thích tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			494(2), 52-56	9/2020
25	Khảo sát tình hình điều trị một số bệnh lý nhiễm trùng ổ bụng tại Bệnh viện Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			495(2), 288-292	10/2020
26	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng đường tiết niệu tại Bệnh viện Thống Nhất TP.HCM	7 (7*/7)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			24 (5), 15-20	10/2020
27	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong phẫu thuật sạch, sạch nhiễm tại một số khoa ngoại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2018-2020	8 (3/8)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			24 (5), 21-29	10/2020
28	Đặc điểm sử dụng thuốc ức chế kết tập tiểu cầu kép và thuốc ức chế bơm proton trên bệnh nhân hội chứng vành cấp tại Bệnh viện Thống Nhất	9 (9*/9)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			24 (5), 80-87	10/2020
29	Đặc điểm sử dụng thuốc điều trị nhiễm khuẩn huyết giai đoạn từ tháng 4/2020-8/2020 tại Bệnh viện Thống Nhất	6 (6*/6)		Tạp chí Y học TP HCM ISSN 1859-1779			24 (5), 88-93	10/2020

30	Xây dựng quy trình kỹ thuật PCR xác định điểm đa hình rs266729 của gen ADIPOQ trên bệnh nhân gan nhiễm mỡ không do rượu	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496(1), 34-47	11/2020
31	Khảo sát chỉ số APRI trong dự đoán giãn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan cổ chướng	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496 (1), 60-63	11/2020
32	Khảo sát các yếu tố liên quan đến mức độ nặng của bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496 (2), 109-112	11/2020
33	Khảo sát chỉ số FIB-4 trong dự đoán giãn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan cổ chướng	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			496 (2), 145-148	11/2020
34	Ảnh hưởng của yếu tố di truyền của SNP rs266729 trên gen ADIPOQ ở bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			497 (1), 57-61	12/2020
35	Hiệu quả điều trị của thuốc kháng vi rút trực tiếp ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn kiểu gen týp 1	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			497 (2), 217-220	12/2020
36	Khảo sát tác động của tenofovir disoproxil fumarate lên chức năng thận ở bệnh nhân viêm gan vi rút B mạn	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			498 (1), 51-53	1/2021
37	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân xơ gan có biến chứng bệnh não gan	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			498 (2), 93-97	1/2021

38	Khảo sát giá trị alpha-fetoprotein huyết thanh ở bệnh nhân xơ gan có ung thư biểu mô tế bào gan	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			498 (2), 161-163	1/2021
39	Khảo sát hiệu quả của chương trình quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm túi mật tại một Bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			498 (2), 202-207	1/2021
40	Giá trị tiên đoán các thang điểm Child-Pugh, FIB-4 và SAAG trong dự đoán giãn tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan cổ chướng	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			499 (1&2), 93-96	2/2021
41	Viêm tụy cấp do rượu và do tăng triglyceride máu: Mức độ nặng và kết cục lâm sàng	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			499 (1&2), 188-192	2/2021
42	Hiệu quả cải thiện số lượng tiểu cầu của thuốc kháng vi rút trực tiếp ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			500 (1), 87-90	3/2021
43	Vai trò của chương trình quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phúc mạc tại một Bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			500 (1), 169-174	3/2021
44	Tăng triglyceride máu rất nặng ở bệnh nhân viêm tụy cấp: Yếu tố nguy cơ và kết cục lâm sàng	3 (1*/3)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			500 (2), 49-55	3/2021

45	Phân tích việc sử dụng Colistin tại bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	5 (5*/5)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			500 (2), 118-124	3/2021
46	Đánh giá hiệu quả chuyển đổi huyết thanh của tenofovir disoproxil fumarate và tenofovir alafenamide ở bệnh nhân viêm gan vi rút B mạn	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			501 (1), 46-49	4/2021
47	Mối liên quan giữa các yếu tố thúc đẩy và mức độ bệnh não gan lâm sàng theo tiêu chuẩn West Haven	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			501 (1), 114-118	4/2021
48	Khảo sát việc kê đơn thuốc điều trị Helicobacter pylori tại một Bệnh viện TP. Hồ Chí Minh	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			501 (2), 91-94	4/2021
49	Hiệu quả thuốc Sulpiride trong cải thiện chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân hội chứng ruột kích thích	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			502 (1), 64-68	5/2021
50	Khảo sát sự thay đổi chỉ số xơ hoá gan APRI sau đạt đáp ứng vi rút bền vững ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn được điều trị bằng thuốc kháng vi rút trực tiếp	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			503 (1), 283-286	6/2021
51	Thay đổi giá trị qHBsAg ở bệnh nhân viêm gan vi rút B mạn khi điều trị tenofovir disoproxil fumarate hoặc tenofovir alafenamide	2 (1*/2)	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			503 (2), 190-193	6/2021

*Tác giả liên hệ

Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

- **Vo Duy Thong***, Nguyen Thi Mong Trinh, Ho Tan Phat. Factors associated with the severity of hypertriglyceridemia induced acute pancreatitis. *Medicine*. 2021;100:21(e25983) (**Scopus, ISI, Q2, PubMed, IF = 1,889**; ISSN 0025-7974; e-ISSN 1536-5964).
- **Vo Duy Thong***, Bui Thi Huong Quynh. Correlation of serum transaminase levels with liver fibrosis assessed by transient elastography in Vietnamese patients with nonalcoholic fatty liver disease. *International Journal of General Medicine*. 2021. 14: 1349-1355. (**Scopus, ISI, Q2, PubMed, IF = 2,466**; ISSN 1178-7074).
- **Vo Duy Thong***, Nguyen Ngoc Phuc, Bui Thi Huong Quynh. Effectiveness of education intervention carried out by clinical pharmacists on the quality of life of patients with irritable bowel syndrome: a randomized controlled trial. *JGH Open*. 2020. 5(2): 242-248. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,143**; e-ISSN 2397-9070).
- **Vo Duy Thong***, Trinh Thi Hong Anh, Bui Thi Huong Quynh, Ngo Thi Thanh Quyt. Investigation of antibiotic use in patients with acute pancreatitis in a Vietnamese hospital. *JGH Open*. 2020. 5(1): 128-132. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,143**; e-ISSN 2397-9070).
- **Vo Duy Thong***, Ho Thi Van Anh. Prediction of esophageal varices based on Serum-Ascites Albumin Gradient in cirrhotic patients. *Gastroenterology Insights*. 2021; 12(2):270-277. (**Scopus, ISI, Q4, IF = 0,095**; ISSN 2036-7422).
- **Vo Duy Thong**, Kittiyod Poovorawan, Pisit Tangkijvanich, Rujipat Wasitthanasem, Sompong Vongpunsawad, Yong Poovorawan. Influence of Host and Viral Factors on Patients with Chronic Hepatitis C Virus Genotype 6 Treated with Pegylated Interferon and Ribavirin: A Systematic Review and Meta-Analysis. *Intervirology*. 2016. 58(6): 373-381. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,763**; ISSN: 0300-5526; e-ISSN: 1423-0100).
- Kyi Pyar Soel, Wirichada Pan-ngum, Apichart Nontprasert, Chatporn Kittittrakul, Navuddh Oam, **Vo Duy Thong**, Pisit Tangkijvanich, Wattana Leowattana, Kittiyod Poovorawan. Awareness, knowledge, and practice for hepatitis B infection in Southeast Asia: a cross-sectional study. *Journal of Infection in Developing Countries*. 2019. 13(7): 656-664. (**Scopus, ISI, Q3, PubMed, IF = 1,353**; ISSN 2036-6590; e-ISSN 1972-2680).
- Ngo Xuan Tinh, Ngo Thi Thanh Quyt, **Vo Duy Thong**, Bui Thi Huong Quynh. The treatment of non-variceal gastrointestinal bleeding: An investigation in a Vietnamese hospital. *Pharmaceutical sciences Asia*. 2018. 45 (3): 184-194. (**Scopus, Q3, IF = 0,42**; e-ISSN 2586-8195)

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Tham gia xây dựng đổi mới chương trình đào tạo dành cho sinh viên y đa khoa, gồm Module Tiêu hoá (năm 3), nội khoa (năm 4 và năm 6) Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
- Tham gia xây dựng đổi mới của bộ môn trong chương trình Bác sĩ nội trú của Bộ môn Nội tổng quát, Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

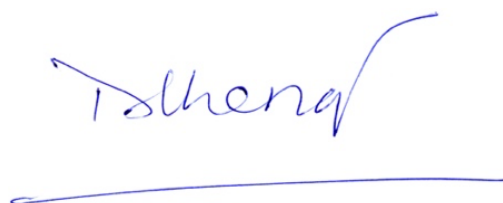
(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Võ Duy Thông